

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/DS-ST
Ngày : 17/6/2021
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Anh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hữu Ái và Ông Phan Quang Sơn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận;

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên
tòa:*** Bà Hoàng Thị Kim Trâm.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân,
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 11
năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ
án ra xét xử số 41/2021/QĐST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021, giữa các đương
sự:

Nguyên đơn : Ngân hàng CSXH VN; Địa chỉ : 169 Phố Linh Đ, phường
Hoàng L, quận Hoàng M, Tp Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật : ông Dương Quyết Th-Tổng giám đốc
Ngân hàng CSXH VN.

Người đại diện theo ủy quyền : Ông Phan Duy T-Giám đốc Phòng giao
dịch NHCSXH huyện Hàm T. Địa chỉ : Khu phố 2, thị trấn Tân Ng, huyện Hàm
T, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn : Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1949; Địa chỉ : Khu phố 1, thị
trấn Tân Ng, huyện Hàm T, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan : Bà Lê Thị H, sinh năm 1962; Địa
chỉ : Khu phố 1, thị trấn Tân Ng, huyện Hàm T, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình
giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Ngân hàng CSXH VN ông Phan Duy T
là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Vào ngày 23/11/2011 Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hàm T đã phê duyệt cho ông Nguyễn Minh T vay chương trình cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay với số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), theo Khế ước nhận nợ số 6000003900045500, lãi suất 0,65%/tháng, thời hạn vay 58 tháng, thời hạn trả nợ ngày 23/9/2016. Đã quá thời hạn trả nợ Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị H thanh toán nợ nhưng ông T, bà H không chịu trả.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/6/2021) ông T còn nợ lại Ngân hàng số tiền :

+ Nợ gốc 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

+ Nợ lãi : 8.548.709 đồng (tám triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn bảy trăm lẻ chín đồng)

Nay Ngân hàng CSXH VN khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh T-bà Lê Thị H phải thanh toán toàn bộ số tiền vốn vay, tiền nợ lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/6/2021) với số tiền tổng cộng là : 28.548.709 đồng (hai mươi tám triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn bảy trăm lẻ chín đồng). Tại phiên tòa Đại diện theo ủy quyền Ngân hàng CSXH VN đề nghị chia đôi số tiền nợ trên mỗi người trả một nửa do ông T và bà H đã ly hôn vào năm 2018

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:

Ông Nguyễn Minh T xác nhận trước đây vào năm 2011 ông cùng vợ là bà Lê Thị H có đứng ra vay của Ngân hàng chính sách xã hội-Phòng giao dịch huyện Hàm T số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) cho con ăn học theo chương trình cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Hiện vẫn chưa trả số tiền gốc 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) cho Ngân hàng chính sách xã hội. Sau khi vay bà H có đóng tiền lãi hàng tháng đóng đến khi nào thì ông không có biết. Giữa ông và bà Lê Thị H đã ly hôn với nhau cách nay khoảng 03-04 năm nay. Số tiền vay này là tiền vay chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, ông yêu cầu bà Lê Thị H chịu trách nhiệm cùng với ông trả số tiền nợ trên cho Ngân hàng chính sách xã hội. Tại phiên tòa ông T yêu cầu chia đôi số tiền nợ trên mỗi người trả $\frac{1}{2}$ cho Ngân hàng chính sách xã hội.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị H trình bày:

Bà Lê Thị H xác nhận trước đây vào năm 2011 ông Nguyễn Minh T có đứng ra vay của Ngân hàng chính sách xã hội-Phòng giao dịch huyện Hàm T số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Hồ sơ vay vốn ghi là cho con ăn học theo chương trình cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, tuy nhiên khi nhận số tiền này thì ông T về sử dụng chi tiêu của gia đình chứ không có gửi cho con đóng học phí hoặc chi tiêu ăn học. Trước đây cán bộ Ngân hàng vào nhà yêu cầu trả tiền vay 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) thì ông T nói đã trả rồi, hiện nay Tòa mời lên giải quyết bà mới biết là chưa trả số tiền này cho Ngân hàng chính sách xã hội. Bà và ông Nguyễn Minh T đã ly hôn vào năm 2018. Số tiền vay này là tiền vay chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, vì

vậy bà yêu cầu ông Nguyễn Minh T chịu trách nhiệm cùng bà trả số tiền nợ trên cho Ngân hàng chính sách xã hội. Tại phiên tòa bà H yêu cầu chia đôi số tiền nợ trên mỗi người trả $\frac{1}{2}$ cho Ngân hàng chính sách xã hội.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm T:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm;

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ để xác định vào ngày 23/11/2011 Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hàm T đã phê duyệt cho ông Nguyễn Minh T vay chương trình cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay với số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), theo Khế ước nhận nợ số 6000003900045500, lãi suất 0,65%/tháng, thời hạn vay 58 tháng, thời hạn cuối trả nợ ngày 23/9/2016. Sau khi vay ông Nguyễn Minh T đã không trả gốc và lãi theo thỏa thuận đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, vi phạm hợp đồng. Tính đến thời điểm ngày 17/6/2021 ông Nguyễn Minh T còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội-Phòng giao dịch huyện Hàm T số tiền gốc là 20.000.000 đồng và số tiền lãi 8.548.709 đồng, tổng cộng là 28.548.709 đồng (hai mươi tám triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn bảy trăm lẻ chín đồng). Bà Lê Thị H là người thừa kế cùng với ông Lê Minh T ký cam kết trả nợ. Như vậy khoản nợ vay này là vay chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, tuy nhiên do ông Nguyễn Minh T và bà Lê Thị H đã ly hôn theo Quyết định số 114/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hàm T, vì vậy cần chia đôi số tiền nợ trên, mỗi người chịu trả một nửa cho Ngân hàng chính sách xã hội và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng. Đình chỉ đối với phần nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng H. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Phê duyệt cho vay chương trình cho vay Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn theo Khế ước nhận nợ số 6000003900045500 ngày 23/11/2011 và số vay vốn giữa Ngân hàng chính sách xã hội và ông Nguyễn Minh T, bà Lê Thị H được xác định là hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 Bộ luật Dân sự nên

Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H có nơi cư trú tại thị trấn Tân Ng, huyện Hàm T, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ để xác định : Căn cứ vào danh sách đề nghị vay vốn chương trình cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, vào ngày 23/11/2011 Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hàm T đã phê duyệt cho ông Nguyễn Minh T vay với số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), theo Khế ước nhận nợ số 6000003900045500, lãi suất 0,65%/tháng, thời hạn vay 58 tháng, thời hạn trả nợ ngày 23/9/2016.

Theo thỏa thuận, ông Nguyễn Minh T có trách nhiệm trả lãi hàng tháng và trả gốc 06 tháng/lần, thời hạn tất nợ là ngày 23/9/2016, sau đó ông Nguyễn Minh T gia hạn thêm thời hạn trả nợ đến ngày 23/9/2017. Tuy nhiên, sau khi vay ông Nguyễn Minh T đã không trả gốc và lãi theo thỏa thuận đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, vi phạm hợp đồng.

Ngoài ông Nguyễn Minh T là người vay vốn ra thì tại hồ sơ vay vốn thể hiện bà Lê Thị H (vợ ông Nguyễn Minh T) là người thừa kế cùng với ông Lê Minh T ký cam kết trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Minh T và bà Lê Thị H đều thừa nhận còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội-Phòng giao dịch huyện Hàm T số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và tiền lãi 8.355.526 đồng và tiền lãi phát sinh. Tổng cộng số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm ngày 17/6/2021 là : 20.000.000 đồng + 8.548.709 đồng = 28.548.709 đồng (hai mươi tám triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn bảy trăm lẻ chín đồng). Ông Nguyễn Minh T và bà Lê Thị H đều thừa nhận trách nhiệm thanh toán số tiền gốc và lãi trên cho Ngân hàng chính sách xã hội.

Số tiền vay trên là vay trong thời kỳ hôn nhân, nợ chung của vợ chồng. Tuy nhiên, ông Nguyễn Minh T và bà Lê Thị H đã ly hôn theo quyết định 114/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân. Vì vậy, cần buộc ông Nguyễn Minh T và bà Lê Thị H có trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc 20.000.000 đồng và số tiền lãi 8.548.709 đồng; tổng cộng 28.548.709 đồng (hai mươi tám triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn bảy trăm lẻ chín đồng) cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; chia theo phần, ông Nguyễn Minh T phải trả cho Ngân hàng CSXH VN số tiền 14.274.354 (mười bốn triệu hai trăm bảy mươi tư ngàn ba trăm năm mươi tư đồng). Bà Lê Thị H phải trả cho Ngân hàng CSXH VN số tiền 14.274.354 (mười bốn triệu hai trăm bảy mươi tư ngàn ba trăm năm mươi tư đồng).

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Trong vụ án này nguyên đơn nhận thấy bà Nguyễn Thị Hồng H không có liên quan đến vay vốn nên nguyên đơn rút phần yêu cầu khởi kiện này. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn phù hợp với pháp luật nên HĐXX sơ thẩm sẽ đình chỉ đối với phần rút yêu cầu này.

[4] Về án phí, do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CSXH VN được chấp nhận nên ông Nguyễn Minh T, bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 217; Khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 27, Điều 37 và Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội VN.

Buộc ông Nguyễn Minh T và bà Lê Thị H phải liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội VN số tiền gốc 20.000.000 đồng và số tiền lãi 8.548.709 đồng, tổng cộng 28.548.709 đồng (hai mươi tám triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn bảy trăm lẻ chín đồng); chia theo phần, ông Nguyễn Minh T phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội VN số tiền 14.274.354 (mười bốn triệu hai trăm bảy mươi tư ngàn ba trăm năm mươi tư đồng). Bà Lê Thị H phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội VN số tiền 14.274.354 (mười bốn triệu hai trăm bảy mươi tư ngàn ba trăm năm mươi tư đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận theo hợp đồng vay vốn.

2. Đình chỉ đối với phần nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng H.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Minh T-bà Lê Thị H phải liên đới chịu 1.427.434 đồng án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể ông T, bà H mỗi người phải chịu 713.717 đồng.

4. Án xử công khai, báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án có hiệu lực theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b,9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm T;
- Chi cục THADS huyện Hàm T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thế Anh